|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO** | **Mẫu số 02/DM** |

**DANH MỤC KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài sản** | **Địa chỉ** | **Loại công trình** | **Năm đưa vào sử dụng** | **Diện tích đất (m2)**  **(1)** | **Công suất theo thiết kế và thực tế** | **Giá trị tài sản (đồng)**  **(2)** | **Tình trạng tài sản** | **Ghi chú**  **(3)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tài sản A |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tài sản B |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

(1) Diện tích đất kê khai tại cột số 6 là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất theo hồ sơ cắm mốc phạm vi bảo vệ công trình/hạng mục công trình hoặc hồ sơ hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

(2) Ghi rõ nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản.

(3) Ghi rõ việc khai thác tài sản tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 15/Điều 16/Điều 17 Nghị định số ….../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.